

CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

I-LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (Trang 81)

1.Nguồn gốc của giá trị thặng dư (Trang 81)

a) Công thức chung của tư bản (Trang 81)

- H-T-H: nền sản xuất hàng hóa giản đơn
- T-H-T: nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vận động

- Mục đích trong lưu thông hàng hóa giản đơn là giá trị sử dụng
- Mục đích trong lưu thông tư bản là giá trị lớn hơn
 - T-H-T': công thức chung của tư bản, trong đó $T' = T + t$ ($t > 0$)

-So sánh 2 công thức:

* Giống nhau:

- + Đều có 2 hành vi mua- bán
- + Đều có hai yếu tố vật chất: Tiền và hàng
- + Đều BH MQH: người mua và người bán

*Khác nhau:

Nội dung so sánh	H- T- H	T- H- T'
Điểm xuất phát và kết thúc	-Khởi đầu và kết thúc là H. -T là trung gian	Khởi đầu và kết thúc là T
Trình tự lưu thông	Bắt đầu bằng bán Kết thúc bằng mua	Bắt đầu = mua Kết thúc bằng bán
Mục đích của sự vận động	Giá trị sử dụng	Giá trị T' ($T' = T + \Delta T$)
Giới hạn của sự vận động	Kết thúc khi được giá trị sử dụng	Không có giới hạn

*Mâu thuẫn của $T - H - T'$ ($T' = T + \Delta T$)

-Mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản được biểu hiện ở chỗ: (m) vừa được tạo ra trong quá trình lưu thông, vừa không được tạo ra trong quá trình lưu thông → Để có m nhà tư bản phải bỏ tiền vào lưu thông và mua các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất (Tư liệu sản xuất và sức lao động)

b) Hàng hóa sức lao động (Trang 82)

- Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó

- Hai điều kiện để sức lao động → hàng hóa: (CNTB là XH đầu tiên mà sức lao động trở nên phô biến, trong XHPK việc buôn bán sức lao động không phô biến)

+ 1 là: Người lao động được tự do về thân thể

+ 2 là: Người lao động không có tư liệu sản xuất và các của cải khác

- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động:

+ Giá trị hàng hóa sức lao động: do số lượng lao động XH cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định

Giá trị hàng hóa sức lao động	1 là: Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động	Mang yếu tố tinh thần và lịch sử
	2 là: phí tổn đào tạo người lao động	
	3 là: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) để nuôi con của người lao động	
Giá trị sử dụng	Thõa mãn nhu cầu của người mua	Dùng trong quá trình sản xuất để tạo ra hàng hóa Tạo ra giá trị mới hơn giá trị sử dụng

c) **Sự sản xuất giá trị thặng dư (Trang 84) (Ký hiệu giá trị thặng dư là m)**

- Quá trình sản xuất TBCN là quá trình thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng, giá trị và giá trị thặng dư

- Quá trình này có đặc điểm:

+ Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản

+ Toàn bộ sản phẩm làm ra thuộc nhà tư bản

- Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dội ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản.

➔ Tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư

Ngày lao động	Thời gian lao động tất yếu (t)	Thời gian lao động thặng dư (t')
Tạo ra giá trị bù đắp giá trị sức lao động		Tạo ra m

d) **Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) (Trang 88)**

TƯ BẢN G = c+ (v+m) Trong đó c và m là điều kiện, v và m là nguồn gốc	BẤT BIẾN (C)	-Mua tư liệu sản xuất (máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu,...) -Giá trị không thay đổi trong sản xuất
	KHẢ BIẾN (V)	-Mua sức lao động -Tạo ra giá trị tang thêm

-Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo toàn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất, được C.Mác gọi là **tư bản bất biến** (ký hiệu là c)

- Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất, được Mác gọi là **tư bản khả biến** (ký hiệu là v)

d) Tiền công (Trang 89)

- Tiền công là giá cả của hàng hóa sức lao động. Đó là bộ phận của giá trị mới **do chính hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tạo ra**, nhưng đó lại thường được hiểu là do người mua sức lao động trả cho người lao động làm thuê

- Các hình thức tiền công cơ bản:

+ Tiền công theo thời gian

+ Tiền công theo sản phẩm

- **Tiền công danh nghĩa:** là khoản thu nhập mà người lao động nhận được dưới hình thái tiền tệ sau khi đã thực sự làm việc cho chủ doanh nghiệp

- **Tiền công thực tế:** là khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà người lao động mua được bằng tiền công danh nghĩa

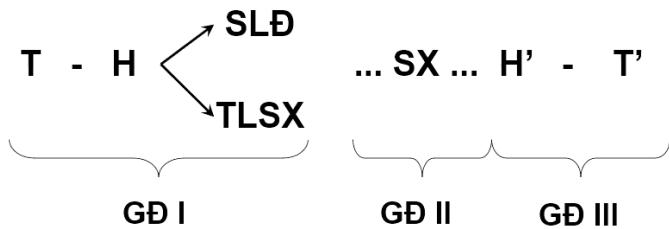
- Các nhân tố biến đổi tiền công:

+ Giá trị sức lao động: trình độ chuyên môn, cường độ lao động, năng suất lao động

+ Nhân tố thị trường: Cung – cầu sức lao động, giá cả hàng hóa, thuế thu nhập...

e) Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản (Trang 91)

* Tuần hoàn của tư bản (Trang 91)



Hình thái tư bản	Tư bản tiền tệ	Tư bản sản xuất	Tư bản hàng hóa
Chức năng của tư bản	Mua các yếu tố đầu vào	Tạo ra giá trị và m	Thực hiện giá trị và m

- Tuần hoàn của tư bản là sự vận động của tư bản lần lượt trải qua ba giai đoạn dưới ba hình thái kế tiếp nhau: **tư bản tiền tệ** → **tư bản sản xuất** → **tư bản hàng hóa** gắn với thực hiện những chức năng tương ứng (chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sản xuất ra giá trị thặng dư, thực hiện giá trị thặng dư) → **quay trở về hình thái ban đầu cùng với giá trị thặng dư**

- Kết quả: + H': trong giá trị có bao hàm giá trị thặng dư

+ T': có giá trị thặng dư dưới hình thái tiền

*Chu chuyển của tư bản (Trang 92)

- Chu chuyển của tư bản là tuần hoàn của tư bản được xét với tư cách là quá trình định kỳ, thường xuyên lặp đi lặp lại và đổi mới theo thời gian

- Đo bằng: thời gian chu chuyển hoặc tốc độ chu chuyển

- Tốc độ chu chuyển của tư bản: là số vòng (lần) chu chuyển của tư bản trong 1 năm

$$\text{Công thức: } N = \frac{CH}{ch}$$

Trong đó: + n: số vòng chu chuyển của tư bản (tốc độ chu chuyển của tư bản)

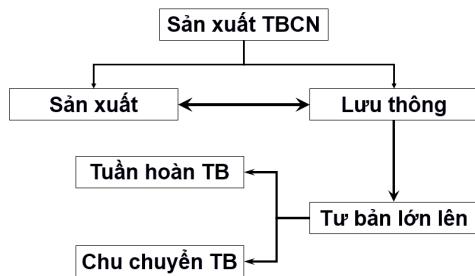
+ CH: thời gian trong năm

+ ch: thời gian của 1 vòng chu chuyển

*Tư bản cố định và tư bản lưu động (Trang 93)

- **Tư bản cố định** là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái tư liệu lao động tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó chỉ chuyển dần từng phần vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn (hao mòn hữu hình → về giá trị sử dụng → do sử dụng và tác động của tự nhiên gây ra, hao mòn vô hình → về giá trị → sự mất giá thuần túy)

- **Tư bản lưu động** là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên liệu, vật liệu phụ, giá trị của nó được chuyển 1 lần, toàn phần vào giá trị sản phẩm khi kết thúc từng quá trình sản xuất



*Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÂN CHI TƯ BẢN THÀNH: TƯ BẢN CỐ ĐỊNH VÀ TƯ BẢN LUU ĐỘNG, TƯ BẢN BẤT BIẾN, TƯ BẢN KHẢ BIẾN

Các loại tư bản	Căn cứ để phân chia	Ý nghĩa của việc phân chia
Tư bản cố định và tư bản lưu động	Phương thức chuyển giá trị của các bộ phận tư bản vào giá trị sản phẩm mới	Là cơ sở để quản lý sử dụng vốn cố định, vốn lưu động một cách có hiệu quả
Tư bản bất biến và tư bản khả biến	Vai trò của chúng trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư	Chỉ rõ nguồn gốc tạo ra m

2. Bán chất của giá trị thặng dư (Trang 94)

- Tỷ suất giá trị thặng dư (m') là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến để sản xuất ra giá trị thặng dư

Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = \frac{m}{v} * 100\%$$

$$m' = \frac{t'}{t} * 100\%$$

Trong đó:

+ m' : là tỷ suất giá trị thặng dư

+ m : là giá trị thặng dư

+ v : là tư bản khả biến

+ t' : là thời gian lao động thặng dư

+ t : là thời gian lao động tất yếu

Khối lượng giá trị thặng dư là lượng giá trị thặng dư bằng tiền mà nhà tư bản thu được.
Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư là: $M = m' \cdot V$

Trong đó:

+ M : là khối lượng giá trị thặng dư

+ m' : là tỷ suất giá trị thặng dư

+ V là tổng tư bản khả biến

TỶ SUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	Phản ánh trình độ khai thác sức lao động làm thuê (Công nhân làm thuê)
KHỐI LƯỢNG GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	Phản ánh quy mô giá trị thặng dư mà chủ sở hữu tư liệu sản xuất thu được (Quy mô bóc lột của tư bản)

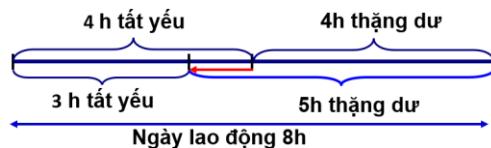
3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư (Trang 96)

- **Giá trị thặng dư tuyệt đối:** là giá trị thặng dư thu được do **kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu**, trong khi năng suất lao động xã hội, giá trị sức lao động và thời gian lao động xã hội tất yếu không thay đổi



$$m' = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\% \quad m' = \frac{6}{4} \times 100\% = 150\%$$

- **Giá trị thặng dư tương đối:** là giá trị thặng dư thu được nhờ **rút ngắn thời gian lao động tất yếu**, do đó kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi độ dài ngày lao động không thay đổi hoặc thậm chí rút ngắn



$$m' = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\% \quad m' = \frac{5}{3} \times 100\% = 166\%$$

- Giá trị thặng dư siêu ngạch \rightarrow hình thái biến tướng của giá trị thặng dư tương đối: là phần giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó

II. TÍCH LŨY TỤ BẢN (Trang 100)

1. Bản chất của tích lũy tư bản (Trang 100)

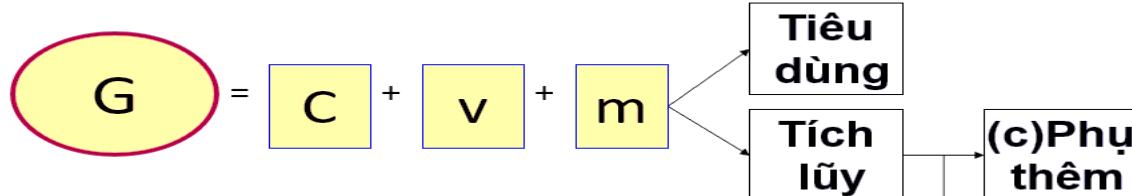
* **Tái sản xuất:** là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại và tiếp diễn không ngừng

TÁI SẢN XUẤT	TÁI SẢN XUẤT GIẢN ĐƠN	Là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại mà không có sự thay đổi về quy mô
	TÁI SẢN XUẤT MỞ RỘNG	Là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại mà quy mô lần sau luôn lớn hơn lần trước

TÁI SẢN XUẤT MỞ RỘNG	TÁI SẢN XUẤT MỞ RỘNG THEO CHIỀU RỘNG	Là quá trình mở rộng sản xuất bằng cách tăng các yếu tố đầu vào: vốn, tài nguyên, sức lao động...
	TÁI SẢN XUẤT MỞ RỘNG THEO CHIỀU SÂU	Là quá trình mở rộng sản xuất bằng cách tăng năng suất lao động và hiệu quả của các yếu tố đầu vào

***Tích lũy tư bản:** là quá trình chuyển hóa một phần giá trị thặng dư trở lại thành tư bản hay là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư

Giả sử



Ví dụ: $m' = 100\%$, tỉ lệ $c/v = 4/1$

$$G_1 = 800c + 200v + 200m$$

$$\begin{cases} 100 \text{ tiêu dùng} \\ 100 \text{ tích lũy} \end{cases}$$

$$G_2 = 880c + 220v + 220m$$

Nguồn gốc của tích lũy TB là (m) lao động của công nhân bị nhà tư bản chiếm không.

2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy (Trang 101)

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUY MÔ TÍCH LŨY TƯ BẢN	Khối lượng M
	Tỉ lệ phân chia M thành tích lũy và tiêu dùng

Nếu tỉ lệ phân chia thành tích lũy và tiêu dùng không đổi thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào M → Các nhân tố làm tăng M là các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản

CÁC NHÂN TỐ CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG TỚI QUY MÔ TÍCH LŨY TƯ BẢN (CÁC NHÂN TỐ LÀM TĂNG M)	1. Trình độ khai thác sức lao động (Tăng m')
	2. Năng suất lao động xã hội
	3. Sử dụng hiệu quả máy móc (Sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng)
	4. Đại lượng tư bản ứng trước

3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản (Trang 102)

- Thứ 1, Tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ (c/v) của tư bản → thất nghiệp trong xã hội tăng (tăng máy móc, giảm người làm)
- Thứ 2, Tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản (Cạnh tranh → độc quyền)
- Thứ 3, Quá trình tích lũy tư bản không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà tư bản với thu nhập của người lao động làm thuê cả tuyệt đối lẫn tương đối

Chú thích:

- Tích tụ tư bản: là sự tăng thêm về quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư, → nó là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản
- Tập trung tư bản: Là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội thành một tư bản khác lớn hơn → để cạnh tranh, tín dụng

❖ SO SÁNH:

*Giống nhau: Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt

*Khác nhau

Nội dung so sánh	Tích lũy tư bản	Tập trung tư bản
Quy mô tư bản xã hội	Làm tăng quy mô tư bản xã hội	Không làm cho tư bản xã hội tăng thêm
Mối quan hệ giữa tư bản và lao động	Nguồn để tích lũy tư bản là (m), vì vậy nó phản ánh trực tiếp mối quan hệ giữa nhà tư bản và lao động	Nguồn để tập trung tư bản là các tư bản cá biệt do cạnh tranh dẫn tới liên kết. Do đó, nó phản ánh quan hệ nội bộ giao cấp tư sản

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (Trang 105)

1.Lợi nhuận (Trang 105)

a) Chi phí sản xuất – Kí hiệu là k (Trang 105)

- Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là phần giá trị của hàng hóa, bù lại giá cả của những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và giá cả của sức lao động đã được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa ấy. Đó là chi phí mà nhà tư bản đã bỏ ra để sản xuất ra hàng hóa

- Về mặt lượng: $k = c + v$

$$\text{Do } G = c + (v + m) = k + m$$

- Chi phí sản xuất có vai trò bù đắp tư bản về giá trị và hiện vật, đảm bảo ĐK cho tái sản xuất trong KT thị trường, tạo cơ sở cho cạnh tranh, là căn cứ quan trọng cho cạnh tranh về giá bán hàng giữa các nhà tư bản

b) Bản chất lợi nhuận (Trang 107)

- Lợi nhuận là phần thu nhập thặng dư tính bằng hiệu quả giữa giá trị tổng doanh thu trừ đi tổng chi phí

$$G = k + p$$

VỀ CHẤT	m	p
	Phản ánh đúng bản chất của CNTB	Chỉ phản ánh bên ngoài
VỀ LUỢNG	Ngắn hạn	Dài hạn
	Giá cả > Giá trị $\rightarrow p > m$	$\sum p = \sum m$
	Giá cả = Giá trị $\rightarrow p = m$	
	Giá cả < Giá trị $\rightarrow p < m$	

c) Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận (Trang 108)

*Tỷ suất lợi nhuận

- Tỷ suất lợi nhuận là tỷ lệ phần tronm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước (ký hiệu là p')

- Tỷ suất lợi nhuận được tính theo công thức:

$$P' = \frac{P}{c + v} \times 100\%$$

*Các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận

- Thứ 1, tỷ suất giá trị thặng dư (m')

- Thứ 2, cấu tạo hưu cơ của tư bản (c/v)
- Thứ 3, tốc độ chu chuyển của tư bản (n)
- Thứ 4, tiết kiệm tư bản bất biến (c)

d) Lợi nhuận bình quân (Trang 110)

- Là kết quả của việc cạnh tranh giữa các ngành
- Tỷ suất lợi nhuận bình quân (p') là tỉ số tính theo % giữa tổng giá trị thặng dư và tổng số tư bản xã hội đã đầu tư vào các ngành của nền sản xuất TBCN

$$\bar{p}' = \frac{\sum p}{\sum(c + v)} * 100\% = \frac{\sum m}{\sum(c + v)} * 100\%$$

- Khi xuất hiện \bar{p}' thì lợi nhuận của các ngành sản xuất khác nhau đều bằng nhau. Điều này dẫn tới sự xuất hiện của lợi nhuận bình quân \bar{p}

- Lợi nhuận bình quân là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản như nhau đầu tư vào các ngành khác nhau

Nếu ký hiệu giá trị tư bản ứng trước là K thì lợi nhuận bình quân được tính như sau:

$$\bar{p} = \bar{p}' * K$$

- Khi lợi nhuận chuyển hóa thành lợi nhuận bình quân thì giá trị của hàng hóa chuyển hóa thành giá cả sản xuất. Giá cả sản xuất được tính như sau:

$$GCSX = k + \bar{p}$$

- ⇒ Những điều kiện hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất bao gồm:
 - + Tư bản tự do di chuyển
 - + Sức lao động tự do di chuyển

d) Lợi nhuận thương nghiệp (Trang 112)

- Tư bản thương nghiệp: bộ phận chuyên môn hóa việc lưu thông hàng hóa
- Lợi nhuận thương nghiệp là số chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa
- ➔ Lợi nhuận thương nghiệp thực chất là một phần của giá trị thặng dư

2. Lợi tức (Trang 113)

- Lợi tức là một phần của lợi nhuận bình quân mà người đi vay (tư bản đi vay) phải trả cho người cho vay (tư bản cho vay) vì đã sử dụng lượng tiền nhàn rỗi của người cho vay
- ➔ Lợi tức là 1 phần của giá trị thặng dư

-Tư bản cho vay có các đặc điểm:

- + Thứ 1, quyền sử dụng tách khỏi quyền sở hữu
- + Thứ 2, tư bản cho vay là hàng hóa đặc biệt (Giá cả của tư bản cho vay <<< giá trị → không được quyết định bởi giá trị)
- + Thứ 3, tư bản cho vay là hình thái tư bản phiến diện nhất, song cũng được sùng bái nhất

-Tỷ suất lợi tức là tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức và tư bản cho vay, nếu kí hiệu lợi tức là z' , tư bản cho vay là TBCV, thì công thức tính lợi tức là:

$$z' = \frac{z}{TBCV} * 100\%$$

→ Tỷ suất lợi tức chịu ảnh hưởng của các nhân tố chủ yếu là tỷ suất lợi nhuận bình quân và tình hình cung cầu về tư bản cho vay

3. Địa tô tư bản chủ nghĩa (Trang 115)

- Địa tô là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp phải trả cho địa chủ (ký hiệu R)

* Các hình thức địa tô:

- Địa tô chênh lệch:

+ Địa tô chênh lệch I: thuê ruộng đất tốt, độ màu mỡ cao, điều kiện tự nhiên thuận lợi

+ Địa tô chênh lệch II: chở thuê mảnh đất được đầu tư, thăm canh, và làm tăng độ màu mỡ của đất

- Địa tô tuyệt đối: không kể độ màu mỡ tự nhiên thuận lợi hay do thăm canh → tính bằng lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân ($= |$ giá trị nông sản – giá cả sản xuất chung của nông sản $|$)

- Tính giá cả đất đai:

$$\text{Giá cả đất đai} = \frac{\text{Địa tô}}{\text{Tỷ suất lợi tức nhận gửi ngân hàng}}$$